TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST Ngày: 15-7- 2022 "V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp

2. Ông Võ Chí Thanh

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 151/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1988, (có mặt);
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện CĐ, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1983, (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim T trình bày: Chị T và anh P tổ chức đám cưới vào năm 2012, hôn nhận tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn mà tụ tập bạn bè ăn chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh P không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/11/2013, hiện đang sống với chị T. Do cháu V có nguyện vọng sống với mẹ nên chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn anh Trần Văn P*: Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đỗ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P. Anh P là bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, huyện CĐ, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ. Bị đơn anh Trần Văn P được Tòa án nhân dân huyện CĐ tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Trần Văn P cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CĐ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng theo chị T trình bày là là do anh P không lo làm ăn mà tụ tập bạn bè ăn chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh P không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P. Đối với anh P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh P tham gia giải quyết vụ án để vợ chồng có điều kiện hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh P không tham gia cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này thể hiện anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/11/2013, hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu V

đang sống với mẹ, có cuộc sống ổn định và cháu V cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên việc chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim T đối với bị đơn anh Trần Văn P.

1.Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2.Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị Kim T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/11/2013, anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0006034 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út